

Số: 20 /2015/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng
khoa học và công nghệ tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ: số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 538/SKHCN ngày 29/5/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quy định quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định này thay thế Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 05/02/2007 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai khoa học và công nghệ tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo- tin học tỉnh;
- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

Gửi: VB giấy và điện tử

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiện

QUY ĐỊNH

**Quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng
khoa học và công nghệ tỉnh Hà Tĩnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20 /2015/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 6 năm 2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Văn bản này quy định việc quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm: đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ KHCN).

2. Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác: Là nhiệm vụ KHCN nhằm giải quyết những vấn đề cần thiết trước mắt của ngành, địa phương (huyện, thành phố, thị xã), đơn vị: Chuyên đề khoa học, hỗ trợ nhân rộng các kết quả nghiên cứu đã được khẳng định.

2. Tuyển chọn: Là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và có kinh nghiệm để thực hiện nhiệm vụ KHCN theo đặt hàng của tỉnh thông qua việc đánh giá các hồ sơ đăng ký theo những yêu cầu, tiêu chí trong quy định này.

3. Giao trực tiếp: Là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, phẩm chất, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ KHCN.

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KHCN.

1. Yêu cầu chung.

a) Có tính cấp thiết hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong phạm vi toàn tỉnh;

b) Mục tiêu, nội dung rõ ràng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, không trùng lặp với các nhiệm vụ đã triển khai (nếu là đề tài kế thừa, cần ghi rõ kết quả đã thực hiện, những vấn đề còn tồn tại cần được nghiên cứu);

c) Phương pháp nghiên cứu phù hợp và tiên tiến;

d) Có tính khả thi cao, giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp và hiệu quả.

2. Yêu cầu riêng với đề tài:

a) Đề tài lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Đưa ra được các luận cứ khoa học cho việc giải quyết những vấn đề thực tiễn của một ngành, lĩnh vực góp phần trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của Đảng và Chính quyền các cấp.

b) Đề tài lĩnh vực khác: Đạt được một trong các yêu cầu sau:

- Tạo ra được công nghệ mới, sản phẩm mới có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội, đạt trình độ tiên tiến trong tỉnh và trong nước. Trực tiếp hoặc góp phần quan trọng giải quyết những vấn đề cấp bách trong sản xuất và đời sống, tác động đến phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh. Tạo tiền đề cho việc hình thành ngành nghề mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, hiệu quả và phát triển bền vững.

- Có giá trị ứng dụng cao, tạo chuyển biến về năng suất, chất lượng và hiệu quả, có tác động đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật, vùng kinh tế trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

3. Yêu cầu riêng đối với dự án:

a) Hoàn thiện những công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ là kết quả của đề tài khoa học và công nghệ đã được Hội đồng khoa học công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng; kết quả khai thác sáng chế đã được cấp bằng bảo hộ; sản phẩm khoa học và công nghệ khác;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm dự kiến tạo ra có tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ hiện có ở Hà Tĩnh, có khả năng ứng dụng hoặc phát triển tốt vào sản xuất và đời sống, góp phần tạo ngành nghề mới, tăng thu nhập cho cộng đồng hoặc thị trường tiêu thụ sản phẩm;

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách Nhà nước để thực hiện thông qua sự cam kết của tổ chức, cá nhân.

4. Yêu cầu riêng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác: Sản phẩm khoa học và công nghệ tạo ra đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được các ngành, huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh tạo ra, hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội của địa phương, hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động của ngành, địa phương, đơn vị.

Điều 4. Nguyên tắc chấm điểm và xếp loại kết quả đánh giá nhiệm vụ.

1. Việc chấm điểm đánh giá nhiệm vụ KHCN được quy định cụ thể cho từng loại nhiệm vụ theo biểu mẫu quy định hiện hành.

2. Việc chấm điểm đánh giá nhiệm vụ KHCN được tiến hành độc lập cho từng Thành viên hội đồng KHCN trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu nhận được, đối chiếu với yêu cầu theo quy định, kết quả trong thực tế (nếu có) và kết quả thảo luận tại hội trường của các thành viên hội đồng.

3. Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa quy định cho từng nội dung đánh giá.

4. Điểm đánh giá nhiệm vụ KHCN là điểm trung bình của tổng số điểm ghi trong các phiếu đánh giá hợp lệ.

5. Căn cứ vào điểm đánh giá để xếp loại đối với từng nhiệm vụ KHCN.

Điều 5. Thời gian thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Thời gian thực hiện nhiệm vụ KHCN không quá 24 tháng kể từ ngày ban hành hợp đồng thực hiện. Trường hợp cần thiết có thể thực hiện dài hơn nhưng không quá 36 tháng, trong trường hợp này đơn vị chủ trì thực hiện phải có giải trình cụ thể và phải được sự đồng ý của Giám đốc Sở KHCN.

CHƯƠNG II

XÁC ĐỊNH DANH MỤC, TUYỂN CHỌN VÀ GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHCN

Điều 6. Xác định danh mục nhiệm vụ KHCN.

1. Căn cứ để xác định nhiệm vụ KHCN.

a) Đề xuất nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh: Hàng năm căn cứ vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh; hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân hoạt động KHCN trong và ngoài tỉnh đề xuất nhiệm vụ KHCN.

b) Đặt hàng trực tiếp từ Lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã: Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu xác định tên, mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm cho từng nhiệm vụ.

2. Tổ chức xác định danh mục nhiệm vụ KHCN.

a) Hội đồng chuyên ngành họp tư vấn cho Lãnh đạo sở, ngành, địa phương quyết định chọn danh mục các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh, trình Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, tổng hợp, thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ cấp sở lấy ý kiến, tư vấn danh mục các nhiệm vụ KHCN ưu tiên thực hiện, trình Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh.

c) Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh tư vấn cho Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục các nhiệm vụ KHCN cần ưu tiên thực hiện.

d) Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KHCN hàng năm.

Điều 7. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp.

1. Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, khách quan. Nhiệm vụ tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Tĩnh, Website và Tập san Sở Khoa học và Công nghệ, các phương tiện thông tin khác để các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện tham gia đăng ký, trừ các nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia và đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng;

2. Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN được thực hiện sau khi đã được UBND tỉnh phê duyệt danh mục, thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành (sau đây gọi là Hội đồng) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập;

3. Mỗi cá nhân chỉ được đăng ký chủ nhiệm một (01) nhiệm vụ KHCN. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện giữa các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Điều 8. Điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN.

1. Tổ chức có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn hoặc giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN phải có tư cách pháp nhân, khuyến khích tổ chức đã đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có chức năng hoạt động phù hợp với

lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KHCN, có đủ điều kiện về nhân lực, thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết cho việc thực hiện có hiệu quả;

2. Tổ chức không được tham gia đăng ký tuyển chọn hoặc giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN khi đến thời điểm nộp hồ sơ còn vi phạm các quy định về quản lý, thực hiện nhiệm vụ KHCN.

3. Cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Có chuyên môn phù hợp hoặc đang hoạt động trong cùng lĩnh vực thuộc nhiệm vụ KHCN ít nhất là 3 năm liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ, có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCN;

b) Không được chủ trì đồng thời hai (02) nhiệm vụ KHCN trở lên;

c) Không vi phạm các quy định quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Điều 9. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN.

1. Về thành phần hồ sơ và trình tự thủ tục đăng ký thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 23/2014/TT-BKHHCN ngày 19/9/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì việc mở hồ sơ, có sự tham gia của những tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, các cơ quan liên quan.

Hồ sơ hợp lệ là có đủ thành phần, số lượng và được chuẩn bị đúng theo các biểu mẫu quy định hiện hành.

3. Hội đồng đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN.

a) Hội đồng Tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập. Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, gồm Chủ tịch (khi cần thiết có Phó Chủ tịch), 02 ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký và các ủy viên.

b) Cơ cấu Hội đồng: 2/3 là các chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu lĩnh vực thuộc nhiệm vụ được giao tư vấn; 1/3 là đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị dự kiến có thể ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

c) Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp hội đồng, trong trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt ủy quyền Phó Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp (khi cần thiết). Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và hai (02) ủy viên phản biện.

d) Hội đồng đánh giá từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định tại Điều 3; nhận xét đánh giá và luận giải cho việc đánh giá; cho điểm theo các tiêu chí tại các biểu mẫu quy định.

e) Hội đồng lập biên bản làm việc (theo biểu mẫu quy định) gửi Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định.

Điều 10. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN.

1. Về thành phần hồ sơ và trình tự thủ tục đăng ký thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 23/2014/TT-BKHHCN ngày 19/9/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN.

2. Hội đồng xét duyệt hồ sơ thực hiện nhiệm vụ KHCN giao trực tiếp.

a) Hội đồng xét duyệt hồ sơ thực hiện nhiệm vụ KHCN giao trực tiếp do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập. Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, gồm Chủ tịch (khi cần thiết có Phó Chủ tịch), 02 ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký và các ủy viên.

b) Cơ cấu Hội đồng: 2/3 là các chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu lĩnh vực thuộc nhiệm vụ được giao tư vấn; 1/3 là đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị dự kiến có thể ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

c) Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp hội đồng, trong trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt, ủy quyền Phó Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp (khi cần thiết). Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và hai (02) ủy viên phản biện.

d) Hội đồng đánh giá hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định tại Điều 3; nhận xét đánh giá và luận giải cho việc đánh giá; cho điểm theo các tiêu chí tại các biểu mẫu quy định.

e) Hội đồng lập biên bản làm việc (theo biểu mẫu quy định) gửi Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

3. Đối với nhiệm vụ KHCN khác.

a) Nhiệm vụ KHCN khác do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định phê duyệt;

b) Cơ sở để phê duyệt nhiệm vụ khác:

- Kết quả của các đề tài, dự án KHCN đã được đánh giá có hiệu quả cao, thích ứng với điều kiện sản xuất tại địa phương, hoặc phù hợp với hoạt động của ngành, đơn vị; các tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận;

- Đề xuất của các đơn vị, cá nhân trong và ngoài tỉnh;

- Ý kiến tư vấn của hội đồng KHCN chuyên ngành do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập (đối với hỗ trợ nhân rộng các kết quả nghiên cứu đã được khẳng định), hoặc ý kiến tư vấn của hội đồng KHCN do các sở, ngành, địa phương, đơn vị thành lập (đối với chuyên đề).

CHƯƠNG III

**THẨM ĐỊNH KINH PHÍ, PHÊ DUYỆT THUYẾT MINH
VÀ QUẢN LÝ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KHCN**

Điều 11. Thẩm định kinh phí.

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng, trình Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định kinh phí theo các nội dung được duyệt, làm căn cứ bố trí kế hoạch thực hiện.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra Quyết định thành lập Tổ thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN. Tổ thẩm định kinh phí có 5-7 thành viên, gồm: Lãnh đạo và đại diện các phòng có liên quan thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện phòng chuyên môn Sở Tài chính. Trường hợp nhiệm vụ KHCN có tính phức tạp, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể mời thêm từ 1-2 chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực liên quan đến nhiệm vụ cần thẩm định vào Tổ thẩm định;

3. Tổ thẩm định căn cứ vào các nội dung của nhiệm vụ, khối lượng công việc cần triển khai để đạt được mục tiêu và sản phẩm đề ra, thẩm định tổng kinh phí và chi tiết các khoản chi cần thiết để triển khai nhiệm vụ KHCN, đảm bảo hợp lý và phù hợp với các quy định hiện hành.

Điều 12. Phê duyệt thuyết minh.

Trên cơ sở các nội dung được hội đồng tuyển chọn, hội đồng xét duyệt kiến nghị, dự toán kinh phí được thẩm định, tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ hoàn chỉnh thuyết minh, trình Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

Điều 13. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Các nhiệm vụ KHCN được thực hiện thông qua hợp đồng (theo mẫu quy định), ký giữa Sở Khoa học và Công nghệ với tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

Điều 14. Chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

1. Định kỳ 06 tháng một lần, hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN có trách nhiệm báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm giám sát, phối hợp với các sở, ngành hoặc địa phương có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện theo các nội dung và tình hình sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

3. Thanh tra của cơ quan chức năng theo quyết định của cấp có thẩm quyền tiến hành thanh tra nhiệm vụ KHCN nhằm phát hiện những sai sót trong quá trình thực hiện.

Điều 15. Điều chỉnh hợp đồng thực hiện.

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu điều chỉnh hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia ít nhất là 10 ngày trước khi tiến hành điều chỉnh. Nội dung điều chỉnh có hiệu lực kể từ ngày văn bản đồng ý điều chỉnh được ban hành.

2. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện chỉ được thực hiện 01 lần không quá 06 tháng. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

3. Đối với nhiệm vụ đặt hàng, trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của đơn vị đề xuất đặt hàng trước khi quyết định điều chỉnh.

Điều 16. Đình chỉ hợp đồng thực hiện.

1. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét đình chỉ hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KHCN trong các trường hợp sau:

a) Quá trình triển khai nhiệm vụ gặp các trường hợp bất khả kháng, như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh ... dẫn đến không thể hoàn thành;

b) Vi phạm hợp đồng: Các điều kiện của hợp đồng không được đảm bảo dẫn đến nhiệm vụ không có khả năng hoàn thành; nhiệm vụ thực hiện không đúng nội dung theo hợp đồng đã ký kết; kinh phí sử dụng sai mục đích.

c) Chủ trì, đơn vị chủ trì không đủ năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ; hướng nghiên cứu bị bế tắc, không thể tiếp tục nghiên cứu.

2. Căn cứ quyết định đình chỉ, chấm dứt hợp đồng, chủ trì và đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục liên quan theo các điều khoản của hợp đồng đã ký giữa các bên theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU, GHI NHẬN KẾT QUẢ VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Điều 17. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu.

Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Căn cứ vào hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KHCN đã được ký kết;
2. Đảm bảo tính dân chủ, trung thực, chính xác và khách quan;
3. Tiến hành đúng quy trình, thủ tục theo các quy định hiện hành.

Điều 18. Phương thức đánh giá, nghiệm thu.

1. Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN được thực hiện theo các bước: Đánh giá kết quả thực hiện mô hình đối với các nhiệm vụ KHCN mà trong nội dung có xây dựng mô hình (do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện); đánh giá nghiệm thu cơ sở (do đơn vị chủ trì thực hiện) và đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh (do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện).

2. Việc đánh giá, nghiệm thu cơ sở chỉ thực hiện khi nhiệm vụ KHCN đã được triển khai đầy đủ các nội dung theo hợp đồng đã ký và các văn bản thỏa thuận điều chỉnh (nếu có) và các mô hình đã được đánh giá kết quả thực hiện (đối với các nhiệm vụ có xây dựng mô hình).

3. Việc đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh chỉ thực hiện đối với các nhiệm vụ KHCN được hội đồng đánh giá nghiệm thu cơ sở xếp loại "Đạt" trở lên;

4. Đối với các nhiệm vụ KHCN có kết quả nghiên cứu là các sản phẩm có thể đo kiểm được (kể cả phần mềm máy tính...), thì tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ còn được thẩm định bởi tổ chuyên gia trước khi hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh hợp.

Điều 19. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình.

1. Việc đánh giá kết quả thực hiện mô hình được thực hiện thông qua Tổ đánh giá mô hình do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

2. Tổ đánh giá mô hình có từ 05 đến 07 thành viên gồm: Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị chủ trì thực hiện, sở, ngành có liên quan và địa phương nơi triển khai mô hình. Trong trường hợp cần thiết tổ trưởng Tổ đánh giá có quyền đề nghị đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN mời đại diện cơ quan chuyên gia công nghệ, một số sở, ngành có liên quan và những người có chuyên môn phù hợp tham gia phiên họp của Tổ đánh giá.

3. Chủ trì, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm cung cấp hồ sơ phục vụ đánh giá kết quả thực hiện mô hình, gồm: Báo cáo kết quả thực hiện mô hình; quy trình kỹ thuật ứng dụng; các tài liệu có liên quan đến việc triển khai thực hiện mô hình.

4. Tổ đánh giá mô hình căn cứ kết quả thực tế triển khai mô hình, căn cứ hợp đồng đã ký và các văn bản thỏa thuận điều chỉnh (nếu có), căn cứ báo cáo kết quả thực hiện mô hình của đơn vị chủ trì, đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình theo các tiêu chí: mức độ thực hiện nội dung, quy mô của mô hình so với hợp đồng và thuyết minh được duyệt; phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện mô hình; hiệu quả của mô hình; khả năng duy trì, phát triển và nhân rộng của mô hình.

5. Kết quả làm việc của Tổ đánh giá được thể hiện bằng Biên bản đánh giá, nghiệm thu mô hình.

Điều 20. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cơ sở.

1. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cơ sở do Thủ trưởng đơn vị chủ trì (hoặc cơ quan chủ quản) thành lập.

2. Hội đồng đánh giá nghiệm thu cơ sở có từ 07 đến 09 thành viên gồm: Đại diện cơ quan chủ quản, đơn vị chủ trì thực hiện, các chuyên gia trong lĩnh vực và địa phương nơi triển khai mô hình.

3. Thành phần dự họp đánh giá, nghiệm thu cơ sở bao gồm: Các thành viên hội đồng đánh giá nghiệm thu cơ sở theo quyết định, đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị chủ quản, chủ trì và đơn vị chủ trì thực hiện, nhóm triển khai. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch và Ủy viên thư ký.

4. Chủ trì, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN có trách nhiệm chuẩn bị nội dung báo cáo trình bày trước hội đồng và giải trình các vấn đề chất vấn của hội đồng.

5. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cơ sở căn cứ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị chủ trì, kết quả đánh giá mô hình, hợp đồng đã ký và các văn bản thỏa thuận điều chỉnh (nếu có), đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các tiêu chí: mức độ đạt được về mục tiêu, nội dung, quy mô so với hợp đồng và thuyết minh được duyệt; phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; hiệu quả của nhiệm vụ; khả năng duy trì, phát triển, nhân rộng kết quả, và các tiêu chí khác.

Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cơ sở có trách nhiệm tư vấn giúp Thủ trưởng đơn vị chủ trì trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN so với hợp đồng và các văn bản thỏa thuận, điều chỉnh (nếu có).

6. Kết quả đánh giá, nghiệm thu cơ sở được thể hiện trong Biên bản đánh giá nghiệm thu cơ sở.

Điều 21. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh.

1. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

2. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh có từ 07 đến 09 thành viên, bao gồm: Chủ tịch (khi cần thiết có Phó Chủ tịch), 02 Ủy viên phân biện, 01 Ủy viên thư ký (Sở Khoa học và Công nghệ) và các Ủy viên hội đồng, trong đó:

a) 2/3 thành viên là các chuyên gia KHCN có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thuộc nhiệm vụ KHCN.

b) 1/3 thành viên là đại diện cho Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ KHCN.

3. Thành phần dự họp đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh bao gồm: Các thành viên hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh theo quyết định, đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, chủ trì và đơn vị chủ trì thực hiện, nhóm triển khai. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch hội đồng và Ủy viên thư ký.

4. Chủ trì, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN có trách nhiệm chuẩn bị nội dung báo cáo trình bày trước hội đồng và giải trình các vấn đề chất vấn của hội đồng.

5. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh căn cứ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị chủ trì, kết quả đánh giá mô hình (nếu có), kết quả đánh giá nghiệm thu cơ sở, hợp đồng đã ký và các văn bản thỏa thuận điều chỉnh (nếu có), đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các tiêu chí: mức độ đạt được về mục tiêu, nội dung, quy mô so với hợp đồng và thuyết minh được duyệt; phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; hiệu quả của nhiệm vụ; khả năng duy trì, phát triển và nhân rộng kết quả và các tiêu chí khác theo mẫu quy định.

Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh có trách nhiệm tư vấn giúp Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN so với hợp đồng và các văn bản thỏa thuận, điều chỉnh (nếu có).

6. Kết quả đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh được thể hiện trong Biên bản đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh.

Điều 22. Đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN tại Sở Khoa học và Công nghệ theo đúng quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Việc đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN chỉ thực hiện đối với các nhiệm vụ KHCN đã được hội đồng KHCN cấp tỉnh đánh giá, nghiệm thu ở mức "Đạt" trở lên.

Điều 23. Ghi nhận kết quả triển khai nhiệm vụ KHCN.

1. Việc ghi nhận kết quả triển khai nhiệm vụ KHCN chỉ được thực hiện khi đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN đã giao nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ đầy đủ các sản phẩm như trong hợp đồng đã ký và giấy chứng nhận đã đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét ra Quyết định ghi nhận kết quả triển khai nhiệm vụ KHCN theo Quy định.

Điều 24. Thanh lý hợp đồng.

1. Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KHCN được ký kết giữa các bên tham gia sau khi các điều khoản trong hợp đồng đã được thực hiện.

2. Đối với các nhiệm vụ KHCN triển khai thực hiện bình thường (không bị đình chỉ hợp đồng), hợp đồng sẽ được thanh lý khi:

a) Kết quả triển khai nhiệm vụ KHCN đã được Sở Khoa học và Công nghệ ghi nhận;

b) Báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã được chấp nhận;

c) Biên bản thanh lý tài sản được mua bằng ngân sách nhà nước (nếu có) đã được các bên liên quan đồng ý;

d) Biên bản bàn giao mô hình (nếu có).

3. Đối với các nhiệm vụ KHCN buộc phải đình chỉ hợp đồng, hợp đồng sẽ được thanh lý khi:

a) Văn bản đình chỉ hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KHCN đã được các bên liên quan xác nhận;

b) Báo cáo quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN đến thời điểm chấm dứt hợp đồng;

c) Báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đến thời điểm chấm dứt hợp đồng đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận;

d) Biên bản thanh lý tài sản được mua bằng ngân sách nhà nước (nếu có) đã được các bên liên quan đồng ý;

e) Biên bản bàn giao mô hình (nếu có).

Điều 25. Xử lý vi phạm hợp đồng.

1. Các tổ chức và cá nhân tham gia trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN nếu vi phạm Luật Khoa học và Công nghệ hoặc các quy định khác có liên quan sẽ bị xử phạt theo quy định của Pháp luật.

2. Đối với các hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KHCN bị vi phạm mà nguyên nhân xác định do thực hiện không đúng nội dung theo hợp đồng đã ký, kinh phí sử dụng sai mục đích thì chủ nhiệm và đơn vị chủ trì thực hiện buộc phải bồi thường toàn bộ kinh phí đã được cấp theo hợp đồng và không được tham gia các hoạt động khác có sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ.

3. Đối với các hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KHCN bị đình chỉ do các nguyên nhân khác sẽ được xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 26. Bàn giao, ứng dụng kết quả nhiệm vụ KHCN.

1. Đối với các nhiệm vụ KHCN do các đơn vị trong tỉnh chủ trì thực hiện thì Sở Khoa học và Công nghệ sẽ bàn giao kết quả cho chính đơn vị đó để tổ chức ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống thông qua Biên bản thanh lý hợp đồng.

2. Đối với các nhiệm vụ KHCN do các đơn vị ngoài tỉnh chủ trì thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ bàn giao kết quả cho các sở, ngành có liên quan, hoặc huyện, thành phố, thị xã để ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống thông qua Biên bản giao nhận sản phẩm.

3. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu khai thác, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, liên hệ với Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn cụ thể.

4. Việc khai thác và sử dụng kết quả nghiên cứu KHCN phải tuân thủ Quy định đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN hiện hành.

CHƯƠNG V

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN

Điều 27. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ.

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và các thành viên Hội đồng KHCV tỉnh tổ chức xác định Danh mục các nhiệm vụ KHCV cấp tỉnh hàng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và các chuyên gia trong từng lĩnh vực tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCV.

3. Phê duyệt thuyết minh và ký hợp đồng triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCV trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng KHCV chuyên ngành và Tổ thẩm định kinh phí.

4. Phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp và cân đối kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KHCV để bố trí vào kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm;

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, thanh lý, ghi nhận và bàn giao kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCV.

6. Hướng dẫn nghiệp vụ quản lý, tổ chức triển khai nhiệm vụ KHCV cho các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCV.

7. Hướng dẫn, hỗ trợ kinh phí để chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

Điều 28. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCV.

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhằm đáp ứng mục tiêu và tạo ra sản phẩm theo thuyết minh đã được phê duyệt và hợp đồng đã ký.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm 3, điều 8. Kết quả việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ phải báo cáo bằng văn bản với Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Cùng chủ nhiệm nhiệm vụ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ. Ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ

chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ và sở, ngành, địa phương chủ quản theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

11. Kết quả của các nhiệm vụ KH-CN do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

Điều 29. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ.

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ KH-CN đáp ứng được mục tiêu, nội dung theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

2. Cùng tổ chức chủ trì ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH-CN với Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ KH-CN.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (06 tháng một lần), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì và Sở Khoa học và Công nghệ. Chủ trì, phối hợp với tổ chức chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm vụ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 30. Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng KH-CN.

1. Thành viên Hội đồng KH-CN có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu phục vụ xét duyệt, tuyển chọn (đối với hội đồng xét duyệt, tuyển chọn), đánh giá, nghiệm thu (đối với hội đồng đánh giá, nghiệm thu), nhận xét, đánh giá theo biểu mẫu quy định.

b) Chịu trách nhiệm về các ý kiến của mình trong quá trình đánh giá;

c) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi công bố chính thức, không được sử dụng kết quả của đề tài, dự án trái quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

d) Yêu cầu chủ trì, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc đánh giá.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện và thư ký hội đồng ngoài trách nhiệm và quyền hạn của thành viên hội đồng nêu tại khoản 1 Điều này còn có trách nhiệm sau:

a) Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp của hội đồng đánh giá cấp tỉnh; chịu trách nhiệm kết luận phiên họp trên cơ sở ý kiến của thành viên hội đồng.

b) Phó Chủ tịch hội đồng điều hành hội đồng trong trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt và ủy quyền cho Phó Chủ tịch hội đồng.

c) Ủy viên phản biện có trách nhiệm nghiên cứu kỹ hồ sơ, đối chiếu với các tài liệu đã có, các kết quả đã được triển khai trong thực tế để nhận xét, đánh giá và gửi phiếu nhận xét, đánh giá cho Thư ký hội đồng trước giờ họp của hội đồng.

d) Thư ký hội đồng giúp Chủ tịch hội đồng ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, xây dựng và hoàn thiện Biên bản họp hội đồng KHCN theo ý kiến kết luận tại phiên họp đánh giá của hội đồng.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Trách nhiệm thực hiện.

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thiện